

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1987; nơi thường trú: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Kiot 02, nhà trọ Phạm Đình T, Tổ A, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1985; nơi thường trú: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Kiot 02, nhà trọ Phạm Đình T, Tổ A, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2024, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:

Bà **Trương Thị N** và ông **Huỳnh Văn N1** tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 01-9-2008, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng lên Bình Dương sinh sống và làm việc. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên gần 2 năm nay ông **N1** không chú tâm làm ăn, lo ăn chơi cờ bạc. Bà **N** nhiều lần khuyên nhủ cũng như bỏ qua cho ông **N1** nhưng ông **N1** vẫn không thay đổi được. Từ đó vợ chồng bắt đầu gây gổ, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và biết bà **N** nộp đơn lên Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông **N1** đã bỏ đi đâu không rõ, từ khoảng cuối tháng 02/2024 cho đến nay, không quan tâm gì đến vợ con. Khi biết bà **N** nộp đơn lên Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, thì ông **N1** cũng không quan tâm, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bà **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông **N1**.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có con 01 con chung tên **Huỳnh Trương Bảo N2**, sinh ngày 14/12/2008. Hiện nay con chung đang sống cùng bà **N**. Bà **N** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu ông **N1** phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đến ngày 14/3/2024, bà **N** có văn bản trình bày ý kiến thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà **N** yêu cầu ông **N1** cấp dưỡng nuôi con chung.

#### **Tại phiên tòa:**

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà **Trương Thị N** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **Huỳnh Văn N1** và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Theo biên bản xác minh tại **Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương** thì ông **Huỳnh Văn N1** có đăng ký tạm trú tại địa phương và đã bỏ đi đâu, không rõ từ ngày 20/02/2024. Mặc dù hiện nay bị đơn không có mặt tại nơi cư trú nhưng có căn cứ xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là **phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

[1.2] Bị đơn ông **Huỳnh Văn N1** hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông **N1**, nhưng ông **N1** vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Nguyên đơn bà **Trương Thị N** có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Bà **Trương Thị N** có thay đổi yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Bà **Trương Thị Như k1** yêu cầu ông **Huỳnh Văn N1** phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Trương Thị N** và ông **Huỳnh Văn N1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** vào ngày 01-9-2008, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo bà **N** trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến gần 2 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông **N1** không chú tâm làm ăn, lo ăn chơi cờ bạc. Hai vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng không tự giải quyết được, khoảng cuối tháng 02/2024 thì ông **N1** bỏ nhà đi, từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau. Khi bà **N** thông báo cho ông **N1** biết việc bà **N** nộp đơn lên Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông **N1** thì ông **N1** cũng không quan tâm, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông **N1** không đến Tòa án làm việc, tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện ông **N1** không có thiện chí xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, từ khi ly thân, ông **N1** không tìm cách hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà **N** và ông **N1** không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, mục

đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N** về việc ly hôn với ông **N1**.

Về con chung: Theo giấy khai sinh số 11 ngày 06/02/2009 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì bà **N** và ông **N1** có 01 con chung tên **Huỳnh Trương Bảo N2**, sinh ngày 14/12/2008. Hiện nay con chung đang sống cùng bà **N**, con chung có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Bà **N** có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu, cần thiết giao con chung cho bà **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N** về việc ly hôn với ông **N1**. Giao con chung cho bà **N** trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **N** về việc không yêu cầu ông **N1** cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Bà **N** phải chịu và đã nộp đủ.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trương Thị N** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông **Huỳnh Văn N1**.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trương Thị N** được ly hôn với ông **Huỳnh Văn N1**.

- Về con chung: Giao con chung tên **Huỳnh Trương Bảo N2**, sinh ngày 14/12/2008 cho bà **Trương Thị N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận

sự tự nguyện của bà **Trương Thị N** về việc không yêu cầu ông **Huỳnh Văn N1** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Bà **N** phải chịu và đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Bà **Trương Thị N** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001981 ngày 04/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đậu Thị L**

